

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS - ST
Ngày 14 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình;

Ông Nguyễn Xuân Nghị.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Văn D, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Thấu, đã chết; con bà H Thị S, sinh năm 1955; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; vợ: Nguyễn Thị Hoè, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2024 đến ngày 14/5/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H Thị S, sinh năm 1955; trú tại: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định;

2. Anh Phạm Ngọc S1, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988;

Tại phiên tòa: Bị cáo và bà S có mặt; anh S1 và anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/5/2024 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà bị cáo Cao Văn D, có đối tượng lạ nghi tụ tập sử dụng trái phép ma túy. Đội hình sự, kinh tế, ma túy - Công an huyện N phối hợp với Công an xã N tiến hành kiểm tra hành chính nhà ở của D. Quá trình kiểm tra phát hiện trong nhà D gồm có: Cao Văn D (chủ nhà); anh Trần Văn T, anh Phạm Ngọc S1 là bạn của D và cháu Cao Duy H là con T của D.

Quá trình làm việc S1 khai vừa sử dụng ma túy đá tại phòng khách nhà D. D tự giác giao nộp cho lực lượng Công an 01 bộ sử dụng ma túy “đá” cất giấu tại gian bếp gồm:

- 01 chai nước trên nắp có đục 02 lỗ, một lỗ gắn 01 ống hút nhựa, một lỗ gắn 01 công thủy tinh màu trắng có bám dính muội than màu đen, 01 bật lửa ga màu đỏ (tất cả được đựng trong một túi nilon màu đen niêm phong ký hiệu M);

- 01 công thủy tinh màu trắng cất giấu ở cửa sổ gian bếp, niêm phong ký hiệu M1 do D giao nộp.

- Thu giữ tại túi quần bên phải của D số tiền 280.000 đồng;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu hồng đã qua sử dụng của S1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng đã qua sử dụng của cháu H.

Lực lượng Công an đưa D, S1, T về trụ sở Ủy ban nhân dân xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng nêu trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ: 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng, dài 20 cm, phần đầu gắn nhựa màu hồng tại ngăn bàn phòng khách nhà D.

Thu giữ của cháu Cao Duy H (con T D) số tiền 12.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành thu giữ mẫu nước tiểu của D niêm phong ký hiệu T; của Trần Văn T niêm phong ký hiệu T1; của Phạm Ngọc S1 niêm phong ký hiệu T2.

Quá trình làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Cao Văn D khai nhận như sau: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 08/5/2024, Phạm Ngọc S1 nhắn tin cho Cao Văn D, hỏi D có ở nhà không thì D gọi điện thoại lại cho S1 bảo lên nhà D chơi. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, D đang ở nhà thì T và S1 đến. Khi vào nhà S1 hỏi D “cho anh chơi tí” nghĩa là S1 muốn mượn phòng khách nhà D để sử dụng ma túy, D hiểu và đồng ý để S1 sử dụng ma túy tại nhà mình. Sau đó S1 lấy kéo để đục nắp chai nước và cắt ống hút nhựa để sử dụng ma túy đá. Sau khi chuẩn bị xong công cụ sử dụng ma túy, S1 cho D 300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, D nhận tiền bỏ vào túi quần đang mặc. S1 nói với D “Nay có ít hàng nên để mình tao chơi”. Sau đó anh S1 sử dụng ma túy đá tại phòng khách nhà D còn D và T ra cửa ngồi chờ. Khi S1 sử dụng ma túy xong D cầm bộ sử dụng ma túy cất vào gian bếp đồng thời cất công thủy tinh S1 cho D trước đây lên cửa sổ gian bếp cùng lúc này D đưa cho cháu H 100.000 đồng bảo đi mua thuốc lá, sau đó cháu H đưa về cho D 92.000 đồng, D cầm và cho

cháu H 12.000 đồng. Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày Đội hình sự, kinh tế, ma túy - Công an huyện N bắt quả tang và thu giữ những vật chứng như đã nêu trên.

+ Tại bản kết luận giám định số: 881/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Có tìm thấy chất Methamphetamine trong 01 công thủy tinh hình cầu màu trắng, 01 ống hút nhựa và trong nước đựng trong 01 chai nhựa màu trắng, được niêm phong ký hiệu M gửi giám định. Khối lượng mẫu M: không xác định được khối lượng mẫu.

+ Tại bản kết luận giám định số: 882/KL-KTHS ngày 14/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Có tìm thấy thành phần các chất gồm: Methamphetamine, Morphine, Codeine và 6-MAM trong 02 mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu T và T2 gửi giám định. Có tìm thấy thành phần các chất gồm: Morphine, Codeine và 6-MAM trong mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định.

Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Cao Văn D về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đã cho Phạm Ngọc S1 sử dụng ma túy tại nhà ở của mình là sai. Đối với số tiền 292.000đ bị thu giữ trong vụ án có được là do S1 nói đi làm có lộc cho bị cáo 300.000 đồng (đã sử dụng mua thuốc lá 8.000đ), chứ không phải tiền S1 đưa cho bị cáo với mục đích được sử dụng ma túy như lời khai của S1 và T nhưng bị cáo không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Bà H Thị S có ý kiến: 01 chiếc Iphone 8 plus màu hồng đã qua sử dụng là của bà mua cho cháu H, bà đề nghị Tòa án trả lại cho bà để cho cháu H học tập và liên lạc khi cần thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Cao Văn D phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

- Áp dụng khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính được tính từ ngày 08/5/2024; Không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì số: 881/KL-KTHS ngày 13/5/2024 (mẫu M) và phong bì niêm phong số: 882/KL-KTHS ngày 14/5/2024 (mẫu T+T1+T2) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định; 01 công thủy tinh màu trắng niêm phong ký hiệu M1; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 20cm, phần đầu gắn nhựa màu hồng;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu hồng đã qua sử dụng của Phạm Ngọc S1 và số tiền 300.000đ của bị cáo D, đã thu giữ của bị cáo 292.000đ, truy thu của bị cáo số tiền 8.000 đồng.

+ Trả cho bà H Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bà S không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang ngày 08 tháng 5 năm 2024, lời khai của người liên quan, (anh Phạm Ngọc S1, bà H Thị S) người làm chứng (anh Trần Văn T), kết luận giám định số: 881/KL-KTHS ngày 13/5/2024 và kết luận số: 882/KL-KTHS ngày 14/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/5/2024 tại nhà bị cáo Cao Văn D ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Công an huyện N phát hiện bắt quả tang bị cáo có hành vi dùng nhà ở của mình để cho Phạm Ngọc S1 sử dụng trái phép chất ma túy, hưởng lợi bất chính số tiền 300.000đồng. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi chứa chấp người khác sử dụng trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tệ nạn sử dụng ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Chất ma túy có tính chất kích thích thần kinh, có tác hại rất lớn đến tâm lý của con người, là nguyên nhân phát sinh hàng loạt các loại tội phạm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, dùng nhà của mình cho S1 sử dụng ma túy để kiếm lời, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với Phạm Ngọc S1, Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp.

[8] Đối với Trần Văn T quá trình điều tra khai nhận ngày 04/5/2024 đã sử dụng trái phép chất ma túy tại cánh đồng xã N, huyện N. Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[9] Về lời khai nhận của bị cáo D vào ngày 05/5/2024, có hành vi mua ma túy của người không quen biết và sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực cầu Đò Quan, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N có công văn số 113/CV-HSKTMT gửi Công an thành phố Nam Định để xác minh xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của D là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong số: 881/KL-KTHS ngày 13/5/2024 (mẫu M) và 01 phong bì niêm phong số: 882/KL-KTHS ngày 14/5/2024 (mẫu T+T1+T2) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định; 01 cồng thủy tinh màu trắng niêm phong ký hiệu M1; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 20cm, phần đầu gắn nhựa màu hồng đều là công cụ, phương tiện để đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với số tiền 300.000đ, bị cáo khai là tiền do Phạm Ngọc S1 nói có lộc nên cho, bị cáo đã sử dụng mua thuốc lá hết 8.000đ còn lại 292.000đ bị thu giữ, nhưng bị cáo không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Phạm Ngọc S1 (người đưa tiền cho bị cáo) và Trần Văn T (người làm chứng) đều là bạn của bị cáo đã khai nhận số tiền 300.000đ S1 đưa cho D mục đích là để S1 được sử dụng ma túy tại nhà D. Do vậy, có đủ căn cứ xác định đây là số tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu hồng đã qua sử dụng thu của Phạm Ngọc S1 là phương tiện sử dụng trong việc liên lạc với bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, được đối trừ số tiền 292.000đ đã thu giữ, bị cáo phải nộp lại số tiền 8.000đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng đã qua sử dụng được xác định là tài sản của bà H Thị S mua cho cháu Cao Duy H để học online, khi bị cáo sử dụng liên lạc với S1 cháu H và bà S không biết nên cần trả lại cho bà H Thị S.

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn D phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Cao Văn D 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/5/2024.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 881/KL-KTHS ngày 13/5/2024 và 01 phong bì niêm phong số: 882/KL-KTHS ngày 14/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định; 01 cống thủy tinh màu trắng niêm phong ký hiệu M1; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 20cm, phần đầu gắn nhựa màu hồng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo D, được đối trừ số tiền 292.000 đồng đã thu giữ, bị cáo còn phải nộp lại số tiền 8.000 đồng.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu hồng đã qua sử dụng của Phạm Ngọc S1;

+ Trả lại cho bà H Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng đã qua sử dụng.

Vật chứng có đặc điểm theo ủy nhiệm chi ngày 16/7/2024 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2024 giữa cơ quan Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bà S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Thị Ánh